

**CÔNG TY TNHH ATIMEX**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ATIMEX

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ATIMEX COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: ATIMEXCO

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107749715

**3. Ngày thành lập:** 07/03/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 755, đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1073        |
| 2.  | Xay xát và sản xuất bột thô                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1061        |
| 3.  | Trồng cây gia vị, cây dược liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 0128        |
| 4.  | Cổng thông tin<br>Chi tiết: Hoạt động thương mại điện tử;                                                                                                                                                                                                                                                             | 6312        |
| 5.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Bán buôn hạt, quả có dầu;                                                                                                                                                                                                         | 4620        |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 0163        |
| 7.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn rau quả, cà phê, chè, hạt tiêu, hạt điều, quế, hồi, các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, gia vị;                                                                                                                                                                 | 4632(Chính) |
| 8.  | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1062        |
| 9.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4722        |
| 10. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Rang và lọc cà phê;<br>- Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hoà tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc;<br>- Sản xuất chiết suất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm;<br>- Sản xuất chiết suất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm; | 1079        |
| 11. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1030        |
| 12. | Bán buôn gạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4631        |
| 13. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;                                                                                                                                                                                                                                                | 4610        |
| 14. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4933        |
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                                                                                                                  | 8299        |
| 16. | Cho thuê xe có động cơ<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                               | 7710        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nam*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 042083000094

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Chỗ ở hiện tại: Phòng 201, nhà B11, tập thể Mai Động, ngõ 62, phố Mai Động, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 25/07/1983      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: 042083000094

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Chỗ ở hiện tại: Phòng 201, nhà B11, tập thể Mai Động, ngõ 62, phố Mai Động, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội